TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2018
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hồng Hải

2. Bà Trần Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn Ng, sinh năm 1981.

Trú tại: ấp G, xã H, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Lê Thị Huệ L, sinh năm 1990.

Trú tại: ấp A, xã Đ, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Ông Ng có mặt tại phiên tòa, bà L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24/5/2018, tại các biên bản hòa giải nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: xin ly hôn với bà L; Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung tên Trần Thị An Nh, sinh ngày 17/9/2011, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung xác định không có. Tại phiên tòa ông Ng đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về ý kiến của bị đơn: Theo bản tự khai ngày 08/6/2018 và các biên bản hòa giải thể hiện bà L đồng ý ly hôn, yêu cầu nuôi con chung Trần Thị An Nh, sinh ngày 17/9/2011, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Về các tình tiết cụ thể của vụ án:

Các đương sự thống nhất trình bày: Ông Ng và bà L quen biết nhau là do mai mối, được sự đồng ý của hai bên gia đình, ông bà tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2010, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An vào ngày 27/4/2011. Sau khi cưới ông Ng và bà L về làm ăn sinh sống với cha mẹ ruột của ông Ng ở ấp G, xã H, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An sau đó về nhà ba mẹ ruột bà L ở ấp A, xã Đ, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An sinh sống. Cuộc sống của ông bà hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nên từ tháng 7 năm 2012 ông Ng và bà L sống ly thân cho đến nay. Về con chung, ông Ng và bà L có 01 con chung tên Trần Thị An Nh, sinh ngày 17/9/2011 hiện đang sống chung với bà L. Về tài sản chung và nợ chung là không có.

Các đương sự không thống nhất: Ông Ng thì cho rằng ông và bà L sống bên gia đình ông được khoảng 02 tháng thì ông và bà L về làm ăn sinh sống với cha mẹ bà L tại ấp A, xã Đ, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, ông nhiều lần yêu cầu bà L về ấp G, xã H, huyện Tân Hưng sinh sống nhưng bà L không đồng ý, từ đó dẫn đến ông và bà L thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; Bà L thì cho rằng cuối năm 2011 khi bà chuẩn bị sinh con thì vợ chồng mới về nhà cha mẹ ruột bà sinh sống, khi đi bà có xin phép gia đình chồng, về sau con bà bị bệnh nhưng ông Ng không quan tâm nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa: Ông Ng giữ nguyên lời trình bày nêu trên và trình bày thêm ông biết cháu Nh có bệnh động kinh, hàng tháng phải đi khám bệnh theo chỉ định của bác sĩ, mỗi đợt khám chi phí từ 1.000.000 đồng đến hơn 2.000.000 đồng hiện tại ông sống bằng nghề làm thuê thu nhập không ổn định nhưng cha mẹ ông có ruộng đất và cũng có hỗ trợ cho ông để phụ nuôi cháu Nh. Từ khi sống ly thân, ông có vài lần thăm cháu Nh và mỗi lần thăm ông có cho cháu Nh vài trăm nghìn đồng.

Về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ: Nguyên đơn giao nộp bản chính giấy chứng nhận kết hôn, xác nhận tình trạng cư trú, bản sao giấy khai sinh của con chung, bản photo sổ hộ khẩu gia đình và chứng minh nhân dân; Bị đơn cung cấp bản tự khai và bản photo chứng minh nhân dân. Các tài liệu chứng cứ nêu trên đã được Tòa án công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Ông Ng yêu cầu ly hôn với bà L và tranh chấp nuôi con chung; Bà L có nơi cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bà L vắng mặt lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời hồ sơ đã có đầy đủ lời trình bày và ý kiến của bà L nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông Ng và bà L là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An vào ngày 27/4/2011 là phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2012 đến nay, hiện tại bà L và ông Ng không còn tình cảm với nhau nên ông bà thống nhất ly hôn vì vậy Tòa án ghi nhận thuận tình ly hôn của ông Ng và bà L là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông Ng và bà L đều xác định có 01 con chung tên Trần Thị An Nh, sinh ngày 17/9/2011 và từ tháng 7/2012 cháu Nh sống chung với bà L tại ấp A, xã Đ, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An; Đồng thời, bà L có việc làm ổn định, từ khi trực tiếp nuôi con đến nay mặc dù không nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của ông Ng nhưng bà L vẫn đảm bảo chăm lo đầy đủ cho cuộc sống của cháu Nh. Tại phiên tòa ông Ng cũng thống nhất giao con cho bà L nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Nh và ghi nhận sự tự nguyện của ông Ng, giao cháu Nh cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Việc cấp dưỡng nuôi con chung là nhằm đảm bảo quyền lợi cho con chung và là trách nhiệm của cha mẹ đối với con chung nên việc bà L yêu cầu ông Ng phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông Ng đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của bà L. Vì vậy căn cứ vào các Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, ghi nhận sự tự nguyện của ông Ng mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng.

[5] Về chia tài sản chung: Ông Ng và bà L đều xác định không có tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia nợ chung: Ông Ng và bà L đều xác định không có nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Ng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn và ông Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên ông Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Trần Văn Ng và bà Lê Thị Huệ L.

Về hôn nhân: Ông Trần Văn Ng và bà Lê Thị Huệ L thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị An Nh, sinh ngày 17/9/2011 (giới tính nữ) cho bà Lê Thị Huệ L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông Trần Văn Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Ông Trần Văn Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông Ng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 29/5/2018 theo biên lai thu tiền số 0004816 sang tiền án phí nên ông Ng còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Báo cho ông Ng biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà L vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã Hưng Thạnh, Tân Hưng,LA;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu